Người ký: Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 25.07.2022 15:29:59 +07:00

UBND TỈNH TÂY NINH
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5303 /VP-NC
V/v sao gửi văn bản (Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ Tài chính.)

Tây Ninh, ngày 25 tháng 7 năm 2022

Kính gửi:
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ Tài chính về Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Văn phòng UBND tỉnh sao gửi Thông tư nêu trên đến đơn vị biết, thực hiện.

Toàn văn Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ Tài chính đã được đăng tải tại mục "Văn bản sao gửi" trên Trang công báo tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ: http://congbao.tayninh.gov.vn

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- PNC; TTCBTH;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.
4

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Võ Hồng Sang

Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 18/07/2022 17:11:06 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 42/2022/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2022*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 4106
Ngày: 20/7/22
Chuyển: VP

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm g khoản 1 Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

"b) Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm g như sau:

"g) Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước; thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.".

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

"Điều 3. Nội dung chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Căn cứ tính chất của từng hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ thực hiện chi theo những nội dung sau:

1. Tổng kết việc thi hành pháp luật hiện hành, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội; tập hợp, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan phục vụ quá trình nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Dịch, hiệu đính tài liệu dịch, văn bản tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt; dịch, hiệu đính tài liệu dịch, văn bản tiếng Việt sang tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số.

4. Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; lập đề nghị của Chính phủ về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

5. Tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

6. Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá tác động của chính sách trong dự án; dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới); xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính (nếu có quy định thủ tục hành chính).

7. Tổ chức Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định, Hội đồng thẩm tra; lấy ý kiến của các các chuyên gia, nhà khoa học (trong trường hợp cần thiết).

8. Xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; văn bản góp ý.

9. Chỉnh lý, hoàn thiện các loại đề cương, tờ trình, báo cáo, dự thảo văn bản.

10. Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"Điều 4. Định mức chi cho các nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Định mức chi có tính chất đặc thù, được bảo đảm từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được quy định cụ thể như sau:

1. Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo văn bản:

a) Đối với luật, pháp lệnh:

- Dự án luật, pháp lệnh ban hành mới hoặc thay thế: mức chi 6.700.000 đồng/đề cương;

- Dự án luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 5.700.000 đồng/đề cương.

b) Đối với nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch, nghị định của Chính phủ:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: mức chi 4.500.000 đồng/đề cương;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 3.500.000 đồng/đề cương.

c) Đối với quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: mức chi 3.500.000 đồng/đề cương;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 2.200.000 đồng/đề cương.

d) Đối với thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: mức chi 2.200.000 đồng/đề cương;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 1.500.000 đồng/đề cương.

đ) Đối với thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: mức chi 1.500.000 đồng/đề cương;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 1.200.000 đồng/đề cương.

e) Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: mức chi 1.500.000 đồng/đề cương;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 950.000 đồng/đề cương.

2. Chi soạn thảo văn bản:

a) Đối với luật, pháp lệnh:

- Dự án luật, pháp lệnh ban hành mới hoặc thay thế: mức chi 18.000.000 đồng/dự thảo văn bản;

- Dự án luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 11.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

b) Đối với nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch, nghị định của Chính phủ:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: mức chi 11.000.000 đồng/dự thảo văn bản;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 6.500.000 đồng/dự thảo văn bản.

c) Đối với quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: mức chi 9.000.000 đồng/dự thảo văn bản;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 6.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

d) Đối với thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: mức chi 6.000.000 đồng/dự thảo văn bản;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 5.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

đ) Đối với thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước; nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt:

- Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: mức chi 4.800.000 đồng/dự thảo văn bản;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 4.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

3. Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật:

a) Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

- Đối với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: mức chi 10.000.000 đồng/tờ trình;

- Đối với Nghị định của Chính phủ: mức chi 6.000.000 đồng/tờ trình;

- Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: mức chi 3.000.000 đồng/tờ trình.

b) Bản tổng hợp, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý:

- Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; dự án, dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành mới hoặc thay thế: mức chi 2.000.000 đồng/bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý;

- Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; dự án, dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 1.500.000 đồng/bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý;

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt: mức chi 900.000 đồng/bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với văn bản ban hành mới, thay thế; 600.000 đồng/bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều;

- Đối với dự thảo các văn bản còn lại: mức chi 1.200.000 đồng/bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.

c) Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, thành viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận:

- Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; dự án, dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành mới hoặc thay thế: mức chi 2.000.000 đồng/báo cáo;

- Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; dự thảo dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 1.500.000 đồng/báo cáo;

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo nghị quyết ban hành mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, quyết định ban hành mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt: mức chi 500.000 đồng/báo cáo; đối với văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 300.000 đồng/báo cáo;

- Đối với dự thảo các văn bản còn lại: mức chi 1.200.000 đồng/báo cáo.

d) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách:

- Đối với luật, pháp lệnh: mức chi 20.000.000 đồng/báo cáo.

- Đối với nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: mức chi 16.000.000 đồng/báo cáo.

- Đối với nghị định của Chính phủ: mức chi 12.000.000 đồng/báo cáo.

- Đối với các văn bản còn lại: mức chi 8.000.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo đánh giá tác động đối với những chính sách mới theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: mức chi 10.000.000 đồng/báo cáo.

đ) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo (nếu trong dự án, dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới)

- Đối với luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: mức chi 5.000.000 đồng/báo cáo.

- Đối với nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước: mức chi 4.000.000 đồng/báo cáo

- Đối với các văn bản còn lại: mức chi 2.000.000 đồng/báo cáo.

e) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản (nếu trong dự án, dự thảo có quy định thủ tục hành chính)

- Đối với luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: mức chi 5.000.000 đồng/bản đánh giá thủ tục hành chính.

- Đối với nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước: mức chi 4.000.000 đồng/bản đánh giá thủ tục hành chính.

- Đối với các văn bản còn lại: mức chi 2.000.000 đồng/bản đánh giá thủ tục hành chính.

g) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

- Đối với luật, pháp lệnh: mức chi 9.000.000 đồng/báo cáo;

- Đối với nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch: mức chi 7.500.000 đồng/báo cáo;

- Đối với nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ: mức chi 6.000.000 đồng/báo cáo;

- Đối với các văn bản còn lại: mức chi 4.000.000 đồng/báo cáo.

h) Báo cáo kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

- Đối với luật, pháp lệnh: mức chi 9.000.000 đồng/báo cáo;

- Đối với nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch: mức chi 7.500.000 đồng/báo cáo;

- Đối với nghị định của Chính phủ: mức chi 6.000.000 đồng/báo cáo;

- Đối với các văn bản còn lại: mức chi 3.000.000 đồng/báo cáo.

i) Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

- Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trình Chính phủ do Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng: mức chi 18.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật định kỳ hằng năm của các bộ, ngành: mức chi 12.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp: mức chi 6.800.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: mức chi 5.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện: mức chi 1.800.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề, báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đột xuất: mức chi 10.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật: mức chi 5.000.000 đồng/báo cáo.

k) Báo cáo về rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- Đối với dự án luật, pháp lệnh: mức chi 9.000.000 đồng/báo cáo;

- Đối với dự thảo nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: mức chi 7.500.000 đồng/báo cáo;

- Đối với dự thảo nghị định: mức chi 6.000.000 đồng/báo cáo.

4. Soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản của cơ quan thẩm định, thẩm tra:

a) Văn bản góp ý:

- Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành mới hoặc thay thế: mức chi 1.500.000 đồng/văn bản;

- Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 1.000.000 đồng/văn bản;

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt: mức chi 350.000 đồng/văn bản;

- Đối với các văn bản còn lại: mức chi 750.000 đồng/văn bản.

b) Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra:

- Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh: mức chi 2.000.000 đồng/báo cáo;

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ: mức chi 1.500.000 đồng/báo cáo;

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: mức chi 750.000 đồng/báo cáo;

- Đối với dự án luật, pháp lệnh: mức chi 2.500.000 đồng/báo cáo;

- Đối với dự thảo nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch, nghị định của Chính phủ: mức chi 2.000.000 đồng/báo cáo;

- Đối với dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư liên tịch: mức chi 1.500.000 đồng/báo cáo;

- Đối với dự thảo thông tư, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt: mức chi 750.000 đồng/báo cáo.

5. Chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản: mức chi 900.000 đồng/lần chỉnh lý; riêng văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân mức chi 300.000 đồng/lần chỉnh lý.

a) Tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật:

- Chủ trì: mức chi 150.000 đồng/người/cuộc họp;

- Các thành viên tham dự: mức chi 100.000 đồng/người/cuộc họp;

- Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự: mức chi 1.000.000 đồng/văn bản; riêng văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân mức chi 400.000 đồng/văn bản.

b) Tham dự cuộc họp báo công bố luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ký ban hành:

- Người chủ trì cuộc họp: mức chi 150.000 đồng/người/cuộc họp;

- Các thành viên tham dự: mức chi 70.000 đồng/người/cuộc họp.

7. Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu dịch

a) Dịch tài liệu tiếng nước ngoài sang tiếng Việt: mức chi 150.000 đồng/trang (350 từ/trang tài liệu được dịch);

b) Dịch tài liệu tiếng Việt sang tiếng nước ngoài: mức chi 180.000 đồng/trang (350 từ/trang tài liệu được dịch);

c) Dịch tài liệu tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số: mức chi 150.000 đồng/trang (350 từ/trang tài liệu được dịch);

d) Hiệu đính tài liệu dịch: mức chi 60.000 đồng/trang (350 từ/trang tài liệu được dịch);

đ) Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông mức chi biên dịch được phép tăng 30% so với mức chi tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này.

8. Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập:

Trong trường hợp đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập thì mức chi 1.500.000 đồng/văn bản.

9. Ngoài việc thực hiện theo mức chi cho những nội dung quy định từ khoản 1 đến khoản 8 Điều này, mức chi cho những nội dung khác được thực hiện và áp dụng theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, gồm:

a) Đối với các khoản chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong nước; chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị;

b) Đối với các khoản chi cho việc tổ chức các đoàn đi khảo sát ở nước ngoài: Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí;

c) Đối với việc tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát, điều tra xã hội học được thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

d) Đối với các khoản chi lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa phục vụ cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và các văn bản hướng dẫn liên quan.

đ) Chi rà soát, hệ thống hóa văn bản phục vụ trực tiếp công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

e) Đối với dự thảo có quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn, thực hiện theo Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

g) Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao."

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

"Điều 5. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện trên cơ sở các hoạt động, nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Thông tư này và được thực hiện như sau:

a) Đối với đề nghị của Chính phủ về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm: Tối đa 200 triệu đồng/đề nghị;

b) Đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, định mức phân bổ kinh phí cho cơ quan chủ trì soạn thảo được thực hiện như sau:

- Bộ luật ban hành mới, thay thế: tối đa 4.000 triệu đồng/dự án.
- Bộ luật sửa đổi, bổ sung một số điều: tối đa 3.200 triệu đồng/dự án.
- Dự án luật ban hành mới, thay thế: tối đa 2.000 triệu đồng/dự án.
- Dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều: tối đa 1.200 triệu đồng/dự án.
- Dự án pháp lệnh ban hành mới, thay thế: tối đa 1.000 triệu đồng/dự án.

- Dự án pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều: tối đa 600 triệu đồng/dự án.

- Dự thảo nghị quyết của Quốc hội ban hành mới, thay thế: tối đa 1.000 triệu đồng/dự thảo.

- Dự thảo nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều: tối đa 600 triệu đồng/dự thảo.

- Dự thảo nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành mới, thay thế: tối đa 800 triệu đồng/dự thảo.

- Dự thảo nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều: tối đa 500 triệu đồng/dự thảo.

- Định mức phân bổ kinh phí cho việc xây dựng một văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản: tối đa không quá 120% định mức phân bổ kinh phí đối với văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều tương ứng quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này.

c) Dự thảo nghị định của Chính phủ, định mức phân bổ kinh phí: 90 triệu đồng/dự thảo nghị định ban hành mới, thay thế hoặc nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều có phạm vi điều chỉnh rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, phải tổ chức họp lấy ý kiến nhiều đối tượng, nhiều lần, hoặc một nghị định sửa đổi, bổ sung nhiều nghị định; hoặc nghị định quy định chi tiết thi hành luật có nhiều nội dung cần quy định chi tiết thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ít nhất hai bộ, cơ quan ngang bộ; 60 triệu đồng/dự thảo nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều có nội dung ít phức tạp.

d) Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: định mức phân bổ kinh phí 75 triệu đồng/dự thảo văn bản ban hành mới, thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều có phạm vi điều chỉnh rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc phải tổ chức họp lấy ý kiến nhiều lần hoặc một quyết định sửa đổi, bổ sung nhiều quyết định; 45 triệu đồng/dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều có nội dung ít phức tạp.

đ) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước: 45 triệu đồng/dự thảo văn bản ban hành mới, thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều có phạm vi điều chỉnh rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc phải tổ chức họp lấy ý kiến nhiều lần hoặc một văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nhiều văn bản; 23 triệu đồng/dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều có nội dung ít phức tạp.

e) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt được ban hành mới hoặc thay thế:

- Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân:

+ Cấp tỉnh: 30 triệu đồng/dự thảo;

+ Cấp huyện: 15 triệu đồng/dự thảo;

+ Cấp xã: 10 triệu đồng/dự thảo.

- Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân:

+ Cấp tỉnh: 20 triệu đồng/dự thảo;

+ Cấp huyện: 10 triệu đồng/dự thảo;

+ Cấp xã: 8 triệu đồng/dự thảo.

- Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt: 15 triệu đồng/văn bản.

- Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: Định mức phân bổ kinh phí không quá 80% định mức phân bổ đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế.

2. Kinh phí cho hoạt động thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm cả kinh phí họp, nhận xét, báo cáo và các công việc khác liên quan đến công tác thẩm định).

a) Kinh phí thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

- Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh ban hành mới hoặc thay thế: tối đa 22 triệu đồng; đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều: tối đa 15 triệu đồng;

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành mới hoặc thay thế: tối đa 15 triệu đồng; đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều: tối đa 11 triệu đồng;

- Đối với đề nghị xây dựng nghị định ban hành mới hoặc thay thế: tối đa 11 triệu đồng; đối với đề nghị xây dựng nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều: tối đa 7,5 triệu đồng;

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: tối đa 3,7 triệu đồng.

b) Kinh phí thẩm định, thẩm tra dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

- Đối với dự án luật, pháp lệnh ban hành mới hoặc thay thế: tối đa 22 triệu đồng; đối với dự án luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều: tối đa 15 triệu đồng;

- Đối với dự thảo nghị quyết, nghị quyết liên tịch ban hành mới hoặc thay thế: tối đa 15 triệu đồng; đối với dự thảo nghị quyết, nghị quyết liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều: tối đa 11 triệu đồng;

- Đối với nghị định ban hành mới hoặc thay thế: tối đa 11 triệu đồng; đối với dự thảo nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều: tối đa 7,5 triệu đồng;

- Đối với dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành mới hoặc thay thế: tối đa 6 triệu đồng; đối với dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều: tối đa 4 triệu đồng;

- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành mới: tối đa 2 triệu đồng; đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung: tối đa 1,5 triệu đồng

- Đối với dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành mới: tối đa 2 triệu đồng; đối với dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung: tối đa 1,5 triệu đồng

- Đối với các văn bản quy phạm pháp luật khác: Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định mức kinh phí thẩm định trong định mức phân bổ cụ thể đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật.

3. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí từ khoản kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật."

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

"2. Việc thanh toán và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn.

a) Đối với kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo phương thức khoán trên sản phẩm hoàn thành, chứng từ thanh toán gồm:

- Quyết định hoặc văn bản phê duyệt chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền (nếu có);

- Tờ trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền ban hành.

b) Đối với kinh phí cho công tác thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo phương thức khoán trên sản phẩm hoàn thành, chứng từ thanh toán gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định;

- Văn bản phân công thẩm định hoặc ý kiến phê duyệt của người có thẩm quyền (nếu có);

- Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, hội đồng tư vấn thẩm định (nếu có);

- Báo cáo thẩm định.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp thì cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện tương ứng theo quy định về nội dung chi, mức chi tại Thông tư này trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật".

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật năm 2022, các Bộ, cơ quan ngang bộ, các địa phương bố trí, sắp xếp trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 đã được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2022.

2. Các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước được quy định tại thông tư này và tại các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được thực hiện cho đến khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trường hợp, có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Thành Hưng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TC, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN.